TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 134/2023/HC-PT
Ngày: 12 - 5 - 2023
V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Long
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Cường
Ông Trần Quốc Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Phượng, Thư ký Tòa án cấp cao tại Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà*:** Ông Đinh Văn Chánh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 330/2022/TLPT-HC ngày 25 tháng 11 năm 2022 về việc: *"Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 104/2022/HC-ST ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1194/2023/QĐ-PT ngày 18 tháng 04 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Xuân V, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện N, tỉnh Quảng Nam; chổ ở hiện nay: thành phố Đà Nẵng; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Phạm Văn T – Công ty luật TNHH P và Liên danh tại thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng; có mặt.

2. Người bị kiện:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam.

- Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đăng C – Phó Chủ tịch UBND; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện gồm có:

- Bà Văn Thị L, Chánh thanh tra huyện N; có mặt.

- Ông Nguyễn Công B, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N; có mặt.

- Ông Trịnh Thế D, Phó giám đốc Công ty thủy điện S, có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ban quản lý quỹ đất và Đô thị huyện N, tỉnh Quảng Nam; địa chỉ: huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T, Phó giám đốc; có mặt.

- Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện N, tỉnh Quảng Nam; chổ ở hiện nay: thành phố Đà Nẵng; có mặt.

4. Người kháng cáo: ông Nguyễn Xuân V

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắc theo trình bày của các đương sự:

- Người khởi kiện trình bày nội dung:

Năm 1997 gia đình ông V có khai hoang 37ha tại thôn T, xã C, huyện N để làm trang trại, chăn nuôi, trồng trọt, định cư và được xác nhận bởi Ban Quản Lý thôn T. Nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của gia đình ông V được Ban Quản lý thôn T, xã C và người dân địa phương xác nhận vào ngày 26/2/2008 và ngày 03/10/2011.

Ngày 07/3/2008, cơ quan chức năng công bố quy hoạch dự án thuỷ điện S 4. Ngày 10/10/2011 UBND xã C đã ban hành Công văn số 07/CV- UBND xác nhận nguồn gốc đất của các hộ bị ảnh hưởng bởi dự án thủy điện S 4 trong đó có hộ ông V. Sau đó Ban quản lý dự án thủy điện S 4 đã niêm yết giá công khai danh sách đền bù, trong đó hộ gia đình ông V có diện tích bị ảnh hưởng là 246.019,4m^2, gia đình ông V được áp giá hơn 3,6 tỷ đồng. Tuy nhiên với lý do cho rằng không thống nhất về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất nên UBND huyện N đã ban hành Quyết định số 38/CV-HĐBT về việc tạm dừng phương án bồi thường, hỗ trợ của gia đình ông V và ngày 19/12/2012 Trung tâm Phát triển quỹ đất UBND huyện N tiếp tục ban hành Công văn số 56/TTPTQĐ về việc không bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông V

Từ năm 2013, Ông V đã nhiều lần gửi đơn khiếu nại UBND huyện N và UBND tỉnh Quảng Nam nhưng vẫn không được giải quyết.

Ngày 05/11/2021, ông V nhận được Quyết định số 2709/QĐ-UBND đề ngày 29/12/2020 của Chủ tịch UBND huyện N về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Xuân V. Theo đó, Chủ tịch UBND huyện N không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông V, giữ nguyên Công văn số 56/TTPTQĐ ngày 19/12/2012 của Trung tâm Phát triển quỹ đất UBND huyện N.

Nay ông Nguyễn Xuân V yêu cầu Toà án giải quyết:

- Huỷ Quyết định số 2709/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện N về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Xuân V, trú tại thôn Tà U1, xã Chà Vàl, huyện N (lần hai);

- Huỷ Công văn số 56/TTPTQĐ ngày 19/12/2012 của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện N về việc không bồi thường, hỗ trợ đối với ông Nguyễn Xuân V - Hạng mục lòng hồ, dự án Thuỷ điện S 4;

- Huỷ Công văn số 53/CV-TTPTQĐ ngày 06/9/2016 của Trung tâm phát triển quỹ đất N về việc trả lời đơn kiến nghị bồi thường GPMB của hộ ông Nguyễn Xuân V, thôn T, xã Chà Vàl do ảnh hưởng lòng hồ thuỷ điện S 4.

- Buộc Uỷ ban nhân dân huyện N công nhận và bồi thường đối vói diện tích đất 246.019,4m^2 (bị thu hồi theo hạng mục lòng hồ thuộc dự án thuỷ điện S 4) cho hộ gia đình ông Nguyễn Xuân V theo đúng quy định của pháp luật.

- Người bị kiện trình bày nội dung:

Quyết định giải quyết khiếu nại số 2709/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện N về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Xuân V là đảm bảo quy định của pháp luật.

Các yêu cầu hủy Công văn số 56/TTPTQĐ ngày 19/12/2012 của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện N, Công văn số 53/CV-TTPTQĐ ngày 06/9/2016 của Trung tâm phát triển quỹ đất N và yêu cầu buộc Uỷ ban nhân dân huyện N công nhận và bồi thường đối với diện tích đất 246.019,4m^2 (cho hộ gia đình ông Nguyễn Xuân V là không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Toà án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân V.

[2] Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 104/2022/HC-ST ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 và 2 Điều 3; điểm a khoản 2, Điều 193, Điều 348 Luật tố tụng hành chính năm 2015; Điều 43, Điều 50 Luật Đất đai 2003, Điều 10 Quyết định 23/2010 của UBND tỉnh Quảng Nam; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân V về việc:

- Huỷ Quyết định số 2709/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện N về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Xuân V, trú tại thôn Tà U1, xã Chà Vàl, huyện N (lần hai);

- Huỷ Công văn số 56/TTPTQĐ ngày 19/12/2012 của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện N về việc không bồi thường, hỗ trợ đối với ông Nguyễn Xuân V - Hạng mục lòng hồ, dự án Thuỷ điện S 4;

- Huỷ Công văn số 53/CV-TTPTQĐ ngày 06/9/2016 của Trung tâm phát triển quỹ đất N về việc trả lời đơn kiến nghị bồi thường GPMB của hộ ông Nguyễn Xuân V, thôn T, xã Chà Vàl do ảnh hưởng lòng hồ thuỷ điện S 4.

- Buộc Uỷ ban nhân dân huyện N công nhận và bồi thường đối với diện tích đất 246.019,4m^2 (bị thu hồi theo hạng mục lòng hồ thuộc dự án thuỷ điện S 4) cho hộ gia đình ông Nguyễn Xuân V theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[3] Kháng cáo:

Ngày 06-10-2022 ông Nguyễn Xuân V làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm. Lý do kháng cáo là các căn cứ và nhận định của bản án sơ thẩm không đúng với sự thật khách quan. Yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo giữ nguyên đơn kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích cho người kháng cáo trình bày: gia đình ông V khai hoang 37 ha đất làm trang trại, chăn nuôi và định cư từ năm 1997, trước thời điểm quy hoạch 2008. Việc này được Ban quản lý thôn Tà UI, Ban địa chính xã Chà Vàl xác nhận ngày 26-02-2008 và ngày 03-10-2011. Giấy xác nhận của Cơ quan nhà nước phải có giá trị pháp lý cao hơn các ý kiến chủ quan của cá nhân. Hộ gia đình ông V đã có hộ khẩu tạm trú theo diện KT3 từ ngày 20-3-2001 là trước thời điểm quy hoạch. Đất của ông V không nằm trong quy hoạch ba loại rừng phòng hộ. Thực tế đất ông V được bao quanh bởi các hộ dân khác nhưng các hộ dân này đều được bồi thường. Tại Bản kiểm kê ngày 18-02-2011 thể hiện đất ông V là đất rừng sản xuất, như vậy bản án sơ thẩm cho rằng đất rừng phòng hộ là không đúng; đồng thời có tài sản trên đất do ông V tạo lập nên đủ điều kiện bồi thường thiệt hại về tài sản trên đất.

Đại diện Viện kiểm sát cấp cao Đà Nẵng tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.Về yêu cầu kháng cáo,

đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Xuân V, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về yêu cầu khởi kiện:

Ông Nguyễn Xuân V yêu cầu Toà án giải quyết:

Huỷ Quyết định số 2709/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện N về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Xuân V (lần hai);

Huỷ Công văn số 56/TTPTQĐ ngày 19/12/2012 của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện N về việc không bồi thường, hỗ trợ đối với ông Nguyễn Xuân V - Hạng mục lòng hồ, dự án Thuỷ điện S 4;

Huỷ Công văn số 53/CV-TTPTQĐ ngày 06/9/2016 của Trung tâm phát triển quỹ đất N về việc trả lời đơn kiến nghị bồi thường GPMB của hộ ông Nguyễn Xuân V, thôn T, xã Chà Vàl do ảnh hưởng lòng hồ thuỷ điện S 4.

Buộc Uỷ ban nhân dân huyện N công nhận và bồi thường đối với diện tích đất 246.019,4m^2 (bị thu hồi theo hạng mục lòng hồ thuộc dự án thuỷ điện S 4) cho hộ gia đình ông Nguyễn Xuân V theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Xem xét tính hợp pháp và có căn cứ của Quyết định số 2709:

[2.1] Quyết định số 2709 có nội dung không công nhận dung đơn ghi ngày 03-11- 2019 của ông Nguyễn Xuân V khiếu nại Công văn số 56/TTPTQĐ ngày 19-12-2012 *về việc không bồi thường, hỗ trợ đối với ông Nguyễn Xuân V-Hạng mục lòng hồ, dự án thủy điện S 4*. Vì Công văn số 56/TTPTQĐ ngày 19-12-2012 đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Nội dung Quyết định số 2709 đã giải quyết toàn bộ các yaau cầu khiếu nại của ông Nguyễn Xuân V. Do đó, xem xét tính hợp pháp và có căn căn cứ của Quyết định số 2709 là xem xét toàn bộ các yêu cầu khởi kiện.

Công văn số 56/TTPTQĐ ngày 19-12-2012 và Công văn số 53/CV-TTPTQĐ ngày 06/9/2016 có nội dung là xác định ông V không phải khai hoang năm 1997, mà chỉ bắt đầu sử dụng một phần diện tích đất từ năm 2008 trên cơ sở nhận chuyển nhượng lại từ ông Blup N, nhưng ông N cũng không có căn cứ sử dụng đất. Theo quy định thì đất sử dụng từ sau ngày 01-7-2004 không được bồi thường (khoản 7 Điều 10 Quyết định 23/QĐ-UBND ngày 30-9-2010 của UBND tỉnh Quảng Nam). Trên cơ sở đó xác định không bồi thường cho ông V diện tích đất rừng 246.019,4m^2.

[2.2] Về nguồn gốc và quá trình sử dụng diện tích đất 246.019,4m^2 đất liên quan đến khiếu nại của ông Nguyễn Xuân V:

Tại Giấy xác nhận nguồn gốc đất ngày 26/02/2008 của ông Nguyễn Xuân V thể hiện diện tích đất 37ha do gia đình ông V tự khai hoang từ năm 1997, có ông Hiên Quốc Lễ - Ban nhân dân thôn, ông BLúp Nghếch – Chủ tịch UBND xã C xác nhận nội dung ngày 26/02/2008 (BL139 -140)

Tại Giấy xác nhận nguồn gốc đất đang sử dụng ngày 27/10/2014 của ông Nguyễn Xuân V xác nhận diện tích đất 108.711,6m^2 tại thôn T khai hoang từ ngày 26/02/2008 được Chủ tịch UBND xã C ông Thái Đình B xác nhận ngày 11/11/2014 (BL140).

Phiếu lấy ý kiến khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Xuân V ngày 26/10/2019 (BL146) xác định nguồn gốc đất tự khai hoang, trồng cây con từ tháng 9 năm 2008, không thể hiện diện tích đất, vị trí cụ thể.

Phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 24/10/2014 (BL147) xác nhận đất ông Nguyễn Xuân V quản lý sử dụng tại thôn T, xã C từ ngày 26/02/2008, không thể hiện diện tích đất, vị trí cụ thể.

Biên bản giải quyết tranh chấp đất giữa ông Nguyễn Xuân V và ông Blúp N ngày 24/10/2014 tại Hội trường mầm non liên xã C (BL154), ý kiến của ông Nguyễn Xuân V được ghi nhận "*Tôi có khai hoang từ năm 2008 đến nay với diện tích đất là 30ha*" (BL154).

Các văn bản xác nhận nguồn gốc đất, phiếu lấy ý kiến khu dân cư không thể hiện rõ diện tích sử dụng, số thửa, tờ bản đồ, vị trí cụ thể ông Nguyễn Xuân V quản lý sử dụng. Việc xác nhận thời điểm cũng mâu thuẫn nhau. Ngoài những đơn xác nhận trên, ông V không cung cấp tài liệu chứng cứ thể hiện thời điểm sử dụng đất, tài liệu chứng cứ thể hiện thực tế là ông V có sử dụng diện tích 246.019,4m^2.

Ông V không có hộ khẩu thường trú tại địa phương, thể hiện qua kiểm tra thực tế hồ sơ tạm trú KT3 tại Công an xã C, thời gian từ ngày 20/3/2001. Tháng 5/2009 ông V thực hiện thủ tục đăng ký trường trú và được Công an xã C cấp hộ khẩu thường trú ngày ngày 02/6/2009 (sau ngày công bố quy hoạch 07/3/2008). Ông V thực tế không có nhà ở tại xã C như trong "*Đơn xin xác nhận đã có nhà hợp pháp*" do ông V cung cấp. Các Đơn xin xác nhận đã có nhà hợp pháp được chính quyền địa phương xác nhận ngày 26/5/2009, đơn xin xác nhận hộ khẩu được chính quyền địa phương ký ngày 30/3/2011 đã được UBND huyện N xác minh thì những người đã ký xác nhận trong đơn đều thừa nhận là không đúng sự thật trong quá trình giải quyết khiếu nại.

Theo báo cáo của hạt kiểm Lâm N tại Công văn 216/HKL ngày

27/9/2018, Hạt kiểm lâm huyện N xác định, đối chiếu toạ độ vị trí các thửa đất (6,7,9,11,12,17) của ông Nguyễn Xuân V khiếu nại với bản đồ quy hoạch 3 loại rừng theo Quyết định số 48/2007/QĐ-UBND ngày 30/10/207 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Quảng Nam phê duyệt kết quả ra soát, điều chỉnh quy hoạch 03 loại rừng thì thửa đất ông V kê khai thuộc đất quy hoạch rừng phòng hộ nằm trong lâm phân rừng phòng hộ xã C nên thuộc trường hợp thu hồi đất không được bồi thường.

Do xác định thời điểm sử dụng sau thời điểm quy hoạch nên tài sản trên đất phần là cây tự nhiên, số cây trồng khi kiểm kê là có sau khi công bố quy hoạch nên cũng không được bồi thường. Việc người kháng cáo cho rằng đất xung quanh của các Chủ đất khác được bồi thường là không có thật.

[2.3] Vào thời điểm quy hoạch dự án thủy điện S 4, có hiện tượng người dân móc nối cùng một số cán bộ để hợp thức hóa việc bồi thường. Cụ thể việc đo đạc, lập bản đồ giải thửa quy chủ cho các hộ dân trong vùng bị ảnh hưởng vùng lòng hồ dự án thuỷ điện S 4 của các bị cáo Lê Ngọc P, Lê Ngọc A, Lê Ngọc H, Trương Công Đ nguyên là cán bộ của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên môi trường tỉnh Quảng Nam, các bị cáo Nguyễn Ngọc B, Trần Thanh S nguyên là cán bộ của Ban quản lý dự án thuỷ điện S 4, bị cáo Nguyễn Văn H nguyên là cán bộ Trung tâm phát triển quỹ đất huyện N cùng các bị cáo B nước A, M, C, P đã không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật nhằm chiếm đoạt tiền của Chủ dự án đã được xét xử tại Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2016/HSST ngày 12/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

[2.4] Xét nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất căn cứ Điều 10 Quyết định 23/2010/QĐ-UBND ngày 30/9/2010 của UBND tỉnh Quảng Nam thì thấy vào thời điểm công bố quy hoạch dự án thuỷ điện S 4 (07/3/2008) ông V không phải là người địa phương, không có hộ khẩu trường trú tại địa phương, không phải là người trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp và đất ông V kê khai thuộc đất quy hoạch rừng phòng hộ nằm trong lâm phân rừng phòng hộ xã C nên ông V không đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 50 Luật đất đai năm 2003; nên toàn bộ diện tích đất của ông V không đủ điều kiện để được thu hồi, bồi thường về đất theo đúng quy định của pháp luật.

[2.5] Nội dung Quyết định số 2709/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của Chủ tịch UBND huyện N là đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Do đó, Công văn số 56/TTPTQĐ ngày 19/12/2012 của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện N về việc không bồi thường, hỗ trợ đối với ông Nguyễn Xuân V – Hạng mục lòng hồ, dự án Thuỷ điện S 4 và Công văn số 53/CV-TTPTQĐ ngày 06/9/2016 của Trung tâm phát triển quỹ đất N về việc trả lời đơn kiến nghị bồi thường GPMB

của hộ ông Nguyễn Xuân V là có cơ sở. Bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện hủy các Văn bản này là có căn cứ, đúng pháp luật.

Do không chấp nhận yêu cầu hủy Quyết định số 2709 nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu buộc Uỷ ban nhân dân huyện N công nhận đối với diện tích đất 246.019,4m^2 *(bị thu hồi theo hạng mục lòng hồ thuộc dự án thuỷ điện S 4)* cho hộ gia đình ông Nguyễn Xuân V.

[3] Bản án sơ thẩm xử bác toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện là có căn cứ; tại phiên tòa phúc thẩm không có tài liệu chứng cứ mới làm thay đổi nội dung vụ án, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo. Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm.

Về án phí hành chính phúc thẩm: Do bác yêu cầu kháng cáo nên ông Nguyễn Xuân V phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật Tố tụng hành chính; Bác kháng cáo của ông Nguyễn Xuân V và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 104/2022/HC-ST ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam .

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Xuân V phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000247 ngày 31-10-2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (12-05-2023).

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT III-TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKS ND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THA DS tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Long